

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO SỐ LIỆU TUYỂN SINH - ĐÀO TẠO THÁNG 8 NĂM 2018

(Tính từ 01/01/2018 đến 31/7/2018)

TT	Tên nghề đào tạo (nhập chính xác tên nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN)	Mã nghề cấp IV (nhập chính xác mã nghề cấp IV đối với các nghề trình độ trung cấp, Cao đẳng)	Trình độ đào tạo (Ghi rõ cho từng nghề: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên - ĐTTX)	Kết quả tuyển sinh			Kết quả tốt nghiệp			
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Nữ	Dân tộc thiểu số		Nữ	Dân tộc thiểu số	Số lượng có việc làm
1	Công nghệ kỹ thuật máy tính	6480105	Cao đẳng	44	0	0	0	0	0	0
2	Lập trình máy tính	6480207	Cao đẳng	61	2	2	0	0	0	0
3	Tin học ứng dụng	6480205	Cao đẳng	21	1	0	0	0	0	0
4	Quản trị mạng máy tính	6480209	Cao đẳng	41	4	0	0	0	0	0
5	Thiết kế trang Web	6480214	Cao đẳng	14	1	3	0	0	0	0
6	An ninh mạng	6480216	Cao đẳng	11	0	1	0	0	0	0
7	Tiếng Anh	6220206	Cao đẳng	40	21	1	0	0	0	0
8	Tài chính doanh nghiệp	6340201	Cao đẳng	10	6	0	0	0	0	0
9	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng	50	37	0	0	0	0	0
10	Quản trị doanh nghiệp	6340417	Cao đẳng	39	15	0	0	0	0	0



TT	Tên nghề đào tạo (nhập chính xác tên nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN)	Mã nghề cấp IV (nhập chính xác mã nghề cấp IV đối với các nghề trình độ trung cấp, Cao đẳng)	Trình độ đào tạo (Ghi rõ cho từng nghề: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên - ĐTTX)	Kết quả tuyển sinh			Kết quả tốt nghiệp			
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Nữ	Dân tộc thiểu số		Nữ	Dân tộc thiểu số	Số lượng có việc làm
11	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	Cao đẳng	404	1	6	0	0	0	0
12	Công nghệ chế tạo máy	6510212	Cao đẳng	55	0	2	0	0	0	0
13	Cắt gọt kim loại	6520121	Cao đẳng	31	0	0	0	0	0	0
14	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	6520155	Cao đẳng	28	0	1	0	0	0	0
15	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng	1089	3	19	0	0	0	0
16	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	6510211	Cao đẳng	52	0	1	0	0	0	0
17	Lắp đặt thiết bị lạnh	6520114	Cao đẳng	14	0	0	0	0	0	0
18	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	Cao đẳng	107	1	2	0	0	0	0
19	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6520255	Cao đẳng	130	0	0	0	0	0	0
20	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	Cao đẳng	123	1	2	0	0	0	0
21	Cơ điện tử	6520263	Cao đẳng	75	1	3	0	0	0	0
22	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305	Cao đẳng	72	0	3	0	0	0	0

TT	Tên nghề đào tạo (nhập chính xác tên nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN)	Mã nghề cấp IV (nhập chính xác mã nghề cấp IV đối với các nghề trình độ trung cấp, Cao đẳng)	Trình độ đào tạo (Ghi rõ cho từng nghề: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên - ĐTTX)	Kết quả tuyển sinh				Kết quả tốt nghiệp			
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
					Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số	Số lượng có việc làm
23	Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối	6520217	Cao đẳng	4	0	0		0	0	0	0
24	Điện tử công nghiệp	6520225	Cao đẳng	17	0	0		0	0	0	0
25	Điện công nghiệp	6520227	Cao đẳng	194	0	2		0	0	0	0
26	Công nghệ may	6540204	Cao đẳng	48	43	1		0	0	0	0
27	May thời trang	6540205	Cao đẳng	4	4	0		0	0	0	0
28	Thiết kế đồ họa	6210402	Cao đẳng	35	5	2		0	0	0	0
29	Thương mại điện tử	6340122	Cao đẳng	11	2	2		0	0	0	0
30	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	5480105	Trung cấp	69	1	4		0	0	0	0
31	Lập trình máy tính	5480207	Trung cấp	86	4	3		0	0	0	0
32	Tin học ứng dụng	5480205	Trung cấp	64	13	6		0	0	0	0
33	Quản trị mạng máy tính	5480209	Trung cấp	60	4	0		0	0	0	0
34	Thiết kế trang Web	5480214	Trung cấp	36	7	2		0	0	0	0
35	An ninh mạng	5480216	Trung cấp	30	4	0		0	0	0	0
36	Tiếng Anh	5220206	Trung cấp	168	101	5		0	0	0	0
37	Tài chính doanh nghiệp	5340201	Trung cấp	22	9	0		0	0	0	0
38	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Trung cấp	68	58	1		0	0	0	0
39	Quản trị doanh nghiệp	5340417	Trung cấp	80	46	6		0	0	0	0



TT	Tên nghề đào tạo (nhập chính xác tên nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN)	Mã nghề cấp IV (nhập chính xác mã nghề cấp IV đối với các nghề trình độ trung cấp, Cao đẳng)	Trình độ đào tạo (Ghi rõ cho từng nghề: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên - ĐTTX)	Kết quả tuyển sinh				Kết quả tốt nghiệp			
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
					Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số	Số lượng có việc làm
40	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5510201	Trung cấp	67	1	0		0	0	0	0
41	Công nghệ chế tạo dụng cụ	5510212	Trung cấp	3	0	0		0	0	0	0
42	Cắt gọt kim loại	5520121	Trung cấp	11	0	0		0	0	0	0
43	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	5520155	Trung cấp	6	0	0		0	0	0	0
44	Công nghệ ô tô	5510216	Trung cấp	336	1	11		0	0	0	0
45	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	5510211	Trung cấp	8	0	0		0	0	0	0
46	Lắp đặt thiết bị lạnh	5520114	Trung cấp	21	0	0		0	0	0	0
47	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	Trung cấp	56	0	2		0	0	0	0
48	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	5520255	Trung cấp	102	0	2		0	0	0	0
49	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5510303	Trung cấp	36	0	0		0	0	0	0
50	Cơ điện tử	5520263	Trung cấp	33	0	1		0	0	0	0
51	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	5510305	Trung cấp	9	0	0		0	0	0	0

TT	Tên nghề đào tạo (nhập chính xác tên nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN)	Mã nghề cấp IV (nhập chính xác mã nghề cấp IV đối với các nghề trình độ trung cấp, Cao đẳng)	Trình độ đào tạo (Ghi rõ cho từng nghề: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên - ĐTTX)	Kết quả tuyển sinh				Kết quả tốt nghiệp			
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
					Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số	Số lượng có việc làm
52	Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối	5520217	Trung cấp	2	0	0		0	0	0	0
53	Điện tử công nghiệp	5520225	Trung cấp	17	0	0		0	0	0	0
54	Điện công nghiệp	5520227	Trung cấp	68	0	0		0	0	0	0
55	Công nghệ may và thời trang	5540204	Trung cấp	45	37	0		0	0	0	0
56	May thời trang	5540205	Trung cấp	9	8	1		0	0	0	0
57	Cơ khí chế tạo	5520117	Trung cấp	30	0	1		0	0	0	0
58	Thiết kế đồ họa	5210402	Trung cấp	76	19	6		0	0	0	0
59	Thương mại điện tử	5340122	Trung cấp	4	1	0		0	0	0	0
60	CNKT Điện tử		Cao đẳng					3	0	0	3
61	CNKT Điện		Cao đẳng					15	0	0	15
62	CNKT Nhiệt		Cao đẳng					8	0	0	8
63	CNKT Cơ khí		Cao đẳng					15	0	0	15
64	CNKT Ôtô		Cao đẳng					4	0	0	4
65	CN Phần mềm		Cao đẳng					3	0	0	3
66	Mạng máy tính		Cao đẳng					3	0	0	3
67	CN May thời trang		Cao đẳng					6	5	0	6
68	Điện Công nghiệp và dân dụng		Trung cấp					7	0	0	7



TT	Tên nghề đào tạo (nhập chính xác tên nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN)	Mã nghề cấp IV (nhập chính xác mã nghề cấp IV đối với các nghề trình độ trung cấp, Cao đẳng)	Trình độ đào tạo (Ghi rõ cho từng nghề: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên - ĐTTX)	Kết quả tuyển sinh				Kết quả tốt nghiệp			
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
					Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số	Số lượng có việc làm
69	Điện lạnh		Trung cấp				9	0	0	9	
70	Cơ khí chế tạo Tiện		Trung cấp				5	0	0	5	
71	Bảo trì và sửa chữa ô tô		Trung cấp				3	0	0	3	
72	Quản trị mạng máy tính		Trung cấp				5	0	0	5	
73	Máy thời trang		Trung cấp				1	1	0	1	
74	Công nghệ Thông tin		ĐTTX (<3Tháng)	680	60	0	373	56	0		
75	Công nghệ kỹ thuật cơ khí		ĐTTX (<3Tháng)	226	4	0	93	4	0		
76	Công nghệ Động lực		ĐTTX (<3Tháng)	9	0	0	9	0	0		
77	Công nghệ Điện - Điện tử		ĐTTX (<3Tháng)	40	2	0	38	2	0		

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ